TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK MIL** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **31**/2023/DS-ST
Ngày 25/8/2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Đình Hội.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Chấn;

Ông Phan Sỹ Phác.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 139/2023/TLST-DS, ngày 27 tháng 6 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2023/QĐXX-ST ngày 09 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1964; địa chỉ: Số 82 tổ dân phố 8, thị trấn Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1959; địa chỉ: tổ dân phố 8, thị trấn Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Bùi Tấn H1, sinh năm 1960; địa chỉ: tổ dân phố 8, thị trấn Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H1, bà D: Ông Nguyễn Quang H2, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 11 Trần Hưng Đ, thị trấn Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án nguyên đơn là bà Lê Thị H trình bày:

Ngày 05/5/2022, bà Lê Thị H cho bà Nguyễn Thị D vay số tiền 30.000.000 đồng. Khi vay các bên có xác lập hợp đồng vay tiền và thỏa thuận thời hạn trả là ngày 31/8/2022, về lãi suất các bên không thỏa thuận trong hợp đồng mà thỏa thuận

bằng lời nói với nhau là 01%/tháng. Sau đó bà D đã trả cho bà H số tiền 10.000.000 đồng nhưng không được lập thành văn bản, bà H cũng không nhớ cụ thể ngày, tháng trả và số tiền bà D còn nợ lại là 20.000.000 đồng. Ngày 24/5/2022, bà D mang số tiền 20.000.000 đồng đến nhà bà H với để trả nợ cho bà H nhưng vì bà H chưa có nhu cầu sử dụng số tiền này nên bà D hỏi mượn lại thì bà H đồng ý và chỉ lấy của bà D số tiền 300.000 đồng tiền lãi của số tiền 20.000.000 đồng tính từ ngày 05/5/2022 đến ngày 25/5/2022. Khi bà H cho bà D vay lại số tiền 20.000.000 đồng thì các bên không xác lập hợp đồng vay tiền mới mà ghi chung vào hợp đồng vay tiền ngày 05/5/2022 với nội dung "Ngày 24/5/2022 vay thêm 20.000.000 đồng", các bên thỏa thuận về thời hạn trả nợ và lãi suất không thay đổi. Đến ngày 15/9/2022, bà H tiếp tục cho bà D vay số tiền 20.000.000 đồng, bà D tự ghi nội dung vay mượn tiền vào mặt sau tờ lịch ngày 15/9/2022, khi vay các bên thỏa thuận bằng lời nói về lãi suất 01%/tháng, thời hạn đến mùa cà phê năm 2022 sẽ trả. Đến thời hạn trả nợ như thỏa thuận mặc dù bà H đã nhiều lần yêu cầu bà D trả nợ nhưng bà D không trả. Ngày 26/3/2023 bà D đến nhà bà H và trả cho bà H số tiền 20.000.000 đồng, lúc này hai bên đã xảy ra tranh cãi vì bà D cho rằng chỉ nợ bà H số tiền 20.000.000 đồng vay 24/5/2022, đối với số tiền 20.000.00 đồng vay 15/9/2022 thì bà D không thừa nhận. Bà H đã trừ số tiền 20.000.000 đồng mà bà D trả vào số tiền 20.000.000 đồng vay ngày 24/5/2022 và xác định bà D còn nợ lại số tiền 20.000.000 đồng vay ngày 15/9/2022. Bà H cho rằng các lần bà D vay tiền thì ông H1 (ông H1 là chồng của bà D) đều biết và mục đích bà H vay tiền để sử dụng vào việc trong gia đình bà D, ông H1 nên bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị D, ông Bùi Tấn H1 phải trả cho bà H số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng và lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 15/9/2022 cho đến khi bà D, ông H1 thanh toán xong các khoản nợ cho bà H. Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, tuy nhiên về lãi suất bà H thay đổi chỉ yêu cầu tính lãi suất là 1%/tháng.

Lời khai của bị đơn là bà Nguyễn Thị D tại Tòa án và trình bày của người đại diện theo ủy quyền tại phiên tòa thể hiện:

Bà D thừa nhận ngày 05/5/2022 có vay của bà H số tiền 10.000.000 đồng, có làm hợp đồng vay tiền, có thoả thuận bằng miệng lãi suất theo Ngân hàng. Sau đó, ngày 24/5/2022 bà D tiếp tục vay bà H thêm số tiền 20.000.000 đồng, bà H mang tiền xuống nhà bà D hai lần, mỗi lần 10.000.000 đồng, tổng số tiền bà D vay bà H là 30.000.000 đồng. Tại thời điểm vay, bà D có nói bà H viết giấy mượn tiền nhưng bà H bảo không cần, bà H viết giấy rồi. Đối với số tiền 20.000.000 đồng các bên thoả thuận lãi suất theo Ngân hàng, không thoả thuận thời hạn trả. Sau khi vay, bà D đã trả cho bà H số tiền 10.000.000 đồng vay ngày 05/5/2022 (không nhớ cụ thể ngày, tháng) và số tiền 300.000 đồng tiền lãi, còn nợ lại số tiền 20.000.000 đồng. Ngày 15/9/2022 bà D có mang số tiền 20.000.000 đồng xuống nhà trả cho bà H, nhưng vì bà D có nhu cầu cần tiền để sử dụng việc trong gia đình nên bà D có hỏi vay lại số tiền này thì bà H đồng ý. Khi vay lại số tiền 20.000.000 đồng vì là chỗ quen biết nên các bên không lập thành văn bản, bà D đã tự ghi nội dung vay mượn vào mặt sau tờ lịch ngày 15/9/2022, khi vay các bên thoả thuận miệng lãi suất theo Ngân hàng (khoảng 1%/tháng) và không thoả thuận thời hạn trả cụ thể mà bà H nói khi nào bà D có thì trả nhưng thực tế bà H và bà D đều hiểu là thời hạn đến mùa cà phê năm

2022, bà H cũng có thể trả bất cứ thời điểm nào. Bà D có yêu cầu bà H đưa lại giấy vay số tiền 20.000.000 đồng ngày 24/5/2022 nhưng bà H không đưa, vì tin tưởng bà H nên bà D cũng không có ý kiến gì và đi về. Đến ngày 26/3/2023, khi bà D trả cho bà H số tiền 20.000.000 đồng tiền gốc còn tiền lãi bà H chưa tính. Sau khi bà H nhận số tiền 20.000.000 đồng thì có xác nhận vào mặt sau của tờ lịch ngày 15/9/2022. Bà D cho rằng đã trả xong các khoản nợ cho bà H, việc bà H khởi kiện yêu cầu bà D, ông H1 phải trả số tiền 20.000 000 đồng là không có căn cứ. Bà D, ông H1 chỉ chấp nhận trả cho bà H khoản tiền lãi 1%/tháng của số tiền 20.000.000 đồng tính từ ngày 24/5/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Bùi Tấn H1 tại Tòa án và và trình bày của người đại diện theo ủy quyền tại phiên tòa thể hiện:

Việc vay mượn tiền giữa bà D và bà H như thế nào thì ông H1 không tham gia nhưng vì bà D vay tiền để sử dụng trong gia đình nên ông H1 có biết việc bà D vay tiền của bà H. Ông H1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H và thống nhất với ý kiến của bà D và đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị D và ông Bùi Tấn H1 phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị H số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng và lãi suất.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị D và ông Bùi Tấn H1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Hoàn trả bà Lê Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Lê Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị D và ông Bùi Tấn H1 phải hoàn trả số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng theo giấy nhận nợ ngày 15/9/2022 nên quan hệ tranh chấp được xác định là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*; bị đơn là bà Nguyễn Thị

D có nơi cư trú tại tổ dân phố 8, thị trấn Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông, do đó, theo quy định khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil.

1.2. Về thời hiệu khởi kiện: Tính đến trước ngày Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil ra bản án, quyết định giải quyết vụ án các đương sự không có yêu cầu Tòa án áp dụng quy định về thời hiệu nên theo quy định tại khoản 2 Điều 184 của Bộ luật tố tụng Dân sự thì vấn đề áp dụng về thời hiệu không đưa ra xem xét.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

2.1. Bà H và bà D đều thừa nhận trước khi khởi kiện giữa bà H và bà D có mối quan hệ thân thiết với nhau và bà D nhiều lần vay tiền của bà H và các lần vay tiền các bên đều có thỏa thuận lãi suất. Ngày 24/5/2022 bà D có vay của bà H số tiền 20.000.000 đồng. Ngày 15/9/2022, bà D tự ghi nội dung vay bà H số tiền 20.000.000 đồng vào mặt sau tờ lịch ngày 15/9/2022. Ngày 26/3/2023, bà D trả cho bà H số tiền 20.000.000 đồng tiền gốc, bà H có xác nhận nội dung trả tiền vào mặt sau tờ lịch ngày 15/9/2022, căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng Dân sự đây là những tình tiết không phải chứng minh.

2.2. Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị D, ông Bùi Tấn H1 phải trả số tiền 20.000.000 đồng và lãi suất theo giấy nhận nợ được viết vào mặt sau tờ lịch ngày 15/9/2022, Hội đồng xét xử xét thấy:

Xét chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp là *"Hợp đồng vay tiền"* ngày 05/5/2022 trong đó có nội dung *"ngày 24/5/2022 vay thêm 20.000.000 đồng"* nội dung thể hiện người vay tiền là bà Nguyễn Thị D. Bà D cũng thừa ngày 24/5/2022 có vay bà H số tiền 20.000.000 đồng. Khi thực hiện giao dịch các bên có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự; mục đích, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, theo khoản 1 Điều 117 Bộ luật Dân sự thì giao dịch vay tiền giữa bà H và bà D đủ kiện kiện có hiệu lực từ đó làm phát sinh nghĩa vụ trả tiền của bà D.

Xét chứng cứ phía bị đơn cung cấp là giấy xác nhận nợ do bà D tự viết với nội dung bà D nợ bà H số tiền 20.000.000 đồng được ghi vào mặt sau tờ lịch ngày 15/9/2022. Bà D thừa nhận việc bà D viết nội dung xác nhận nợ là tự nguyện. Khi viết bà D có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự; mục đích, nội dung giấy xác nhận nợ không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, theo khoản 1 Điều 117 Bộ luật Dân sự thì giao dịch vay tiền giữa bà H và bà D theo giấy xác nhận nợ đủ kiện kiện có hiệu lực từ đó làm phát sinh nghĩa vụ trả tiền của bà D. Bà D cho rằng ngày 15/9/2022 bà D đến trả cho bà H số tiền 20.000.000 đồng vay ngày 24/5/2022 nhưng vì do có nhu cầu cần tiền để sử việc trong gia đình nên bà D có hỏi vay lại số tiền này thì bà H đồng ý. Tuy nhiên bà D không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền 20.000.000 đồng vay ngày 15/9/2022 là được bà H cho vay lại từ số tiền vay ngày 24/5/2022. Ngoài ra, trường hợp bà D có vay lại thì lẽ ra bà D phải lấy lại hợp đồng vay tiền thể hiện khoản vay ngày 24/5/2022, do đó việc bà H cho rằng bà D vay có số tiền 20.000.000 đồng ngày 24/5/2022 và vay số tiền 20.000.000 đồng ngày 15/9/2022 có căn cứ.

Ngày 26/3/2023, bà D trả cho bà H số tiền 20.000.000 đồng tiền gốc, nội dung trả tiền được bà H xác nhận vào mặt sau tờ lịch ngày 15/9/2022. Bà D cho rằng bà trả để trừ vào số tiền 20.000.000 đồng vay ngày 15/9/2022, bà H thì cho rằng số tiền này bà D trả cho khoản vay ngày 24/5/2022 và còn nợ số tiền 20.000.000 đồng vay ngày 15/9/2022. Xét nội dung bà H xác nhận việc bà D trả tiền thì không thể hiện số tiền bà D trả cho khoản vay nào, hơn nữa các giao dịch vay tiền giữa bà H và bà D đều có lãi nên việc bà H xác định số tiền 20.000.000 đồng bà D trả cho khoản vay trước (ngày 24/5/2022) là có lợi cho bên vay nên Hội đồng xét xử xét thấy là phù hợp nên chấp nhận.

Nội dung giấy nhận nợ được ghi vào mặt sau tờ lịch ngày 15/9/2022 thì không thể hiện giữa các bên không thỏa thuận về thời hạn trả nợ và lãi suất, tuy nhiên các bên đều thừa nhận có thỏa thuận bằng lời nói với nhau là thời hạn đến mùa cà phê năm 2022 (khoảng tháng 12/2022) và lãi suất là 1%/tháng, mục đích bà D vay để sử dụng việc trong gia đình. Do đó việc bà D không trả nợ như thỏa thuận là vi phạm về nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Do đó, việc bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà D, ông H1 có nghĩa vụ phải trả số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng và lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 15/9/2022 đến nay là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.3. Về nghĩa vụ trả nợ: Ông Bùi Tấn H1 là chồng của bà Nguyễn Thị D, các lần bà D vay tiền của bà H thì ông đều biết vì mục đích bà D vay tiền để sử dụng vào công việc trong gia đình nên theo khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình thì ông H1 phải có nghĩa vụ cùng bà D trả cho bà H số tiền 20.000.000 đồng và lãi suất phát sinh.

2.4. Về lãi suất: Tại phiên tòa bà H yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất các bên bên đã thỏa thuận là 1%/tháng (12%) tính từ ngày 15/9/2022 đế ngày xét xử sơ thẩm, xét yêu cầu tính lãi suất của bà H là phù hợp Điều 468 của Bô luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và sẽ được tính như sau: 20.000.000 đồng x 1%/tháng x 11 tháng 10 ngày = 2.266.000 đồng (làm tròn)

2.5. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tại phiên toà là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị D, ông Bùi Tấn H1 phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 144, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả bà Lê Thị H toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 147, Điều 235, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H.

Buộc bà Nguyễn Thị D, ông Bùi Tấn H1 phải trả cho bà Lê Thị H số tiền là 22.266.000 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng; số tiền lãi suất là 2.266.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị D, ông Bùi Tấn H1 phải chịu số tiền 1.113.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Lê Thị H số tiền 596.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông theo biên theo biên lai số 0009351, ngày 26 tháng 6 năm 2023.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông;
-VKSND tỉnh Đắk Nông;
-VKSND huyện ĐắkMil;
-Chi cục THA dân sự huyện ĐắkMil;
-Các đương sự;
-Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Đình Hội